

Số: 01-08/2022/QBS-CBT1

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:
<https://quangbinhjsc.com.vn/news/549-bao-cao-tai-chinh-ban-nien-soat-xet-nam-2022>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

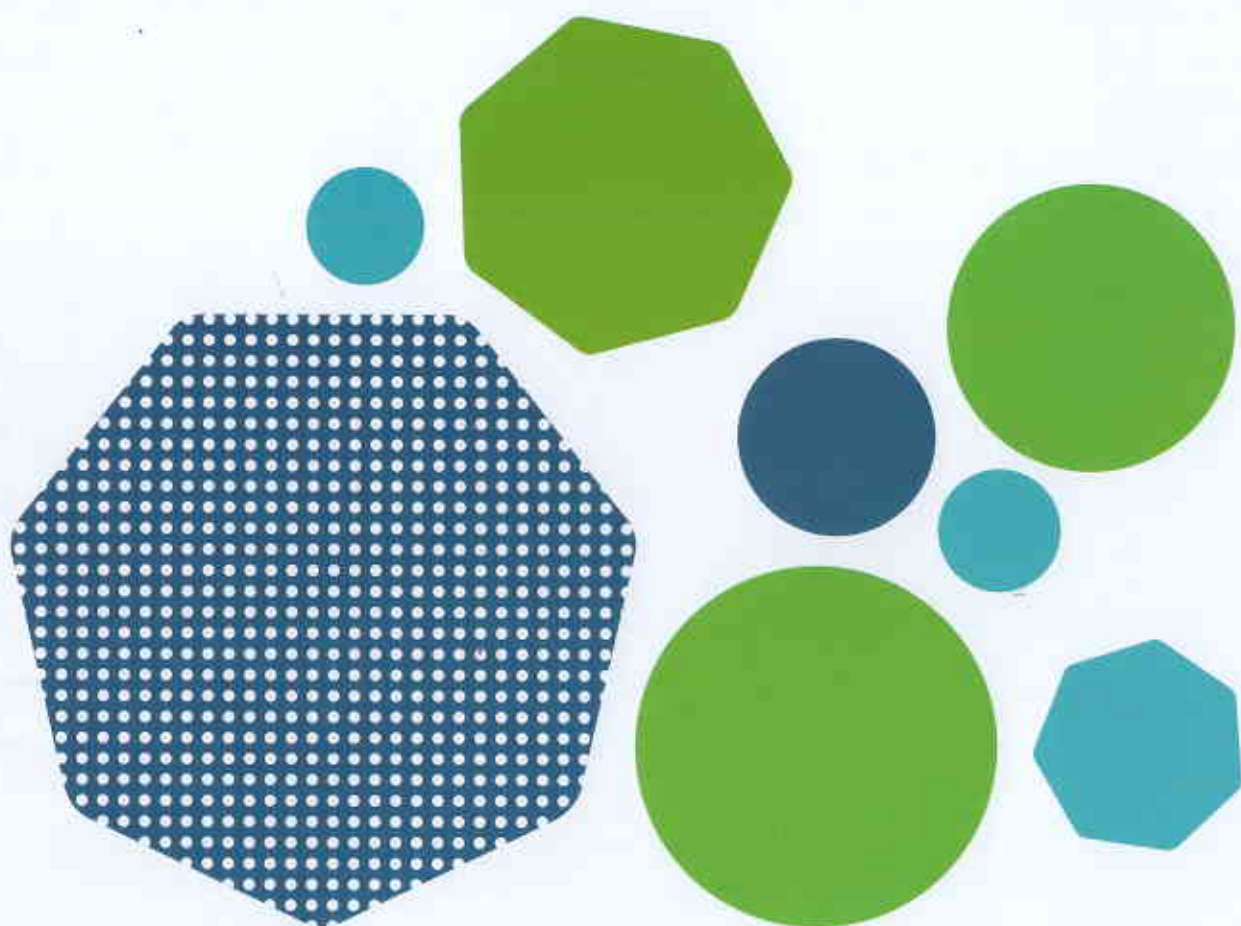
* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2022

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBT1



PHẠM THỊ NGỌC NINH



Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

*Giúp Khách hàng
phát triển thịnh vượng*

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

CHO KỲ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2022



Tháng 8 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21/07/2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 21/07/2022
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Vũ Thị Dương

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022*

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13 tháng 08 năm 2022, từ trang 06 đến trang 41 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/6/2022, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu đã quá hạn thanh toán với Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ và Công ty Cổ phần Ecoparadise Việt Nam với số tiền lần lượt là 6.736.319.643 đồng và 70.346.200.000 đồng. Các bằng chứng thu thập được không đảm bảo tính đầy đủ và thích hợp để giúp chúng tôi có thể đánh giá được khả năng thu hồi cũng như xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính của Công ty hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 35.2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong kỳ 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 doanh thu của Công ty có sự suy giảm đáng kể 95,99% so với cùng kỳ năm 2021, lỗ lũy kế của Công ty là (80.211.664.889) đồng và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của công ty kỳ này đang âm là (121.694.974.011) đồng, cùng với đó là việc thu hẹp quy mô như thanh lý các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty khác, thanh lý các tài sản là quyền sử dụng đất chưa sử dụng. Các yếu tố trên dẫn đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày theo giả định hoạt động liên tục.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 18d và Thuyết minh số 27 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: về việc Công ty được miễn, giảm tiền lãi vay với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng với số tiền 36.377.036.926 đồng theo Công văn số 240/NHNo.BHP-KHDN ngày 01/03/2022 và công văn 406/NHNo.BHP-KHDN ngày 08/04/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng. Việc miễn, miễn giảm lãi tiền vay này làm cho kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cao hơn tương ứng so với kết quả hoạt động cùng kỳ năm trước.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ này tại ngày 26/08/2021.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác và đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 28/03/2022 do không được tham gia chứng kiểm kê hàng tồn kho tại ngày kết thúc niên độ.



Đặng Minh Đức

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4885-2020-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2022

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		727.083.787.580	769.336.089.430
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.056.578.371	13.097.514.020
Tiền	111		7.056.578.371	3.097.514.020
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		707.756.093.168	754.825.107.483
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	680.834.088.898	754.478.646.236
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	34.431.089.745	8.382.192.893
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	2.100.000.000	1.965.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	324.173.145	433.887.855
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(9.933.258.620)	(10.434.619.501)
Hàng tồn kho	140	11	1.520.949.462	652.087.280
Hàng tồn kho	141		1.520.949.462	652.087.280
Tài sản ngắn hạn khác	150		750.166.579	761.380.647
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	9.981.745	110.890.473
Thuế GTGT được khấu trừ	152		740.184.834	650.490.174
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.616.935.072	486.746.051.173
Tài sản cố định	220		14.315.831.862	95.446.255.947
Tài sản cố định hữu hình	221	15	14.315.831.862	15.046.255.947
- Nguyên giá	222		23.554.198.131	23.554.198.131
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.238.366.269)	(8.507.942.184)
Tài sản cố định vô hình	227	14	-	80.400.000.000
- Nguyên giá	228		-	80.400.000.000
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.188.407.637
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	-	1.188.407.637
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	4.231.583.466	390.111.387.589
Đầu tư vào công ty con	251		-	432.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		4.560.000.000	20.160.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(328.416.534)	(62.048.612.411)
Tài sản dài hạn khác	260		69.519.744	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	69.519.744	-
TỔNG TÀI SẢN	270		745.700.722.652	1.256.082.140.603

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		120.169.758.244	631.856.024.216
Nợ ngắn hạn	310		118.403.091.583	468.257.607.557
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	7.049.684.805	109.629.662.701
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.245.052.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.755.578.916	545.961.989
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	31.599.551.748	116.180.008.765
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18a	67.976.999.977	234.125.749.965
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
Nợ dài hạn	330		1.766.666.661	163.598.416.659
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18b	1.766.666.661	163.598.416.659
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		625.530.964.408	624.226.116.387
Vốn chủ sở hữu	410	20	625.530.964.408	624.226.116.387
Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(80.211.664.889)	(81.516.512.910)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(81.516.512.910)	(86.095.889.432)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.304.848.021	4.579.376.522
TỔNG NGUỒN VỐN	440		745.700.722.652	1.256.082.140.603

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu



Trần Xuân Đạt

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến Chi



Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thị Dương

Mẫu số B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

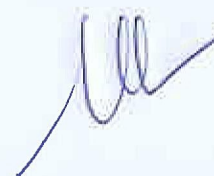
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	41.035.199.710	1.023.679.660.755
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		41.035.199.710	1.023.679.660.755
Giá vốn hàng bán	11	22	41.360.542.405	995.308.353.049
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(325.342.695)	28.371.307.706
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	166.594.779	2.983.435.877
Chi phí tài chính	22	24	(43.078.824.051)	27.352.374.727
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.092.437.915	16.394.193.717
Chi phí bán hàng	25	25	80.564.748	94.387.290
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	2.481.287.538	3.565.898.619
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.358.223.849	342.082.947
Thu nhập khác	31	27	36.377.036.926	4.877.867.587
Chi phí khác	32	28	74.719.545.455	2.560.000.000
Lợi nhuận khác	40		(38.342.508.529)	2.317.867.587
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.015.715.320	2.659.950.534
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	710.867.299	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.304.848.021	2.659.950.534
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	19	38

Người lập biểu



Trần Xuân Đạt

Kế toán trưởng



Trần Thị Yên Chi

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị




Vũ Thị Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.015.715.320	2.659.950.534
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		730.424.085	624.469.906
Các khoản dự phòng	03		(62.221.556.758)	10.341.117.607
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		548.933.911	(220.441.086)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		74.553.220.676	(307.017.653)
Chi phí lãi vay	06		18.092.437.915	16.394.193.717
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		33.719.175.149	29.492.273.025
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		47.105.107.542	(34.265.354.940)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	16.076.968.495
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(135.556.721.966)	(18.790.161.107)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		31.388.984	(15.120.378)
Tiền lãi vay đã trả	14		(66.298.302.086)	(293.103.169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(695.621.634)	(50.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(121.694.974.011)	(7.844.498.074)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.000.000.000	160.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.100.000.000)	(2.037.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.965.000.000	10.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		447.600.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		167.228.889	1.353.571.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		453.632.228.889	9.476.571.368
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(327.980.499.986)	(951.499.986)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(327.980.499.986)	(951.499.986)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.956.754.892	680.573.308

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
			VND	VND
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	13.097.514.020	11.110.233.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.309.459	(321.775)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	17.056.578.371	11.790.484.553

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Trần Xuân Đạt

Kế toán trưởng

Trần Thị Yến Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thị Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200730878 ngày 12/03/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 30 vào ngày 29/07/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/06/2022 là 693.299.280.000 đồng chia thành 69.329.928 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 69.329.928 cổ phiếu niêm yết tương ứng 693.299.280.000 đồng với mã chứng khoán là QBS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2022 là 29 người (tại ngày 31/12/2021 là 37 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ xuất khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy).

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty có 1 đơn vị phụ thuộc là Chi nhánh tại Quảng Bình với hoạt động kinh doanh chính là thương mại và dịch vụ.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được).

Tại ngày 30/06/2022, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 06
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 2 năm.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh thương mại các mặt hàng phân bón, hóa chất và cho thuê lại kho, cho thuê ô tô,....

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá, dự phòng đầu tư tài chính.

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
- Tiền mặt	1.021.111.833	273.731.839
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.035.466.538	2.823.782.181
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	17.056.578.371	13.097.514.020

(*) Tại ngày 30/06/2022 các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cao Bằng với lãi suất 3,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con	-	-	-	432.000.000.000	(56.994.894.577)	(*)
+ Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	-	-	-	432.000.000.000	(56.994.894.577)	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	4.560.000.000	(328.416.534)	(*)	20.160.000.000	(5.053.717.834)	(*)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	4.560.000.000	(328.416.534)	(*)	4.560.000.000	(704.716.254)	(*)
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	-	-	-	15.600.000.000	(4.349.001.580)	(*)
Cộng	4.560.000.000	(328.416.534)	(*)	452.160.000.000	(62.048.612.411)	(*)

(*) Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin chi tiết về các Công ty được góp vốn tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

Đầu tư vào công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	Số 14 Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	19 %	19 %	Kinh doanh thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hà Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	680.834.088.898	(3.098.925.291)	754.478.646.236	(3.533.489.372)
- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thủy	9.364.162.869	-	10.028.308.433	-
- Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam	129.486.350.000	-	178.676.350.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Quốc tế Bình Minh Việt	232.221.695.000	-	281.841.995.000	-
- Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	116.148.072.995	-	116.148.072.995	-
- Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	82.662.490.000	-	84.662.050.000	-
- Công ty CP Ecoparadise Việt Nam	70.346.200.000	-	70.346.200.000	-
- Khách hàng khác	40.605.118.034	(3.098.925.291)	12.775.669.808	(3.533.489.372)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	680.834.088.898	(3.098.925.291)	754.478.646.236	(3.533.489.372)

Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 35.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2022	01/01/2022
	Giá trị VND	Giá trị VND
	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn		
- Công ty CP XNK Đức Nguyễn	34.431.089.745	(6.685.116.707)
- Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	25.981.892.220	-
- Khách hàng khác	4.465.825.912	4.465.825.912
	3.983.371.613	(2.219.290.795)
Dài hạn	-	-
Cộng	34.431.089.745	(6.685.116.707)
		8.382.192.893
		(6.751.913.507)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2022	01/01/2022
	Giá trị VND	Giá trị VND
	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (i)	2.100.000.000	-
	2.100.000.000	1.965.000.000
Dài hạn	-	-
Cộng	2.100.000.000	1.965.000.000
		-

Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 3.5.1

- (i) Cho Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ vay theo hợp đồng số 03/2021/HĐV/ICD-QBS ngày 01 tháng 03 năm 2021, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, lãi suất 0%/năm, hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hà Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nghân hạn	324.173.145	(149.216.622)	433.887.855	(149.216.622)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.767.123	-	59.671.233	-
- Ký cược, ký quỹ	112.500.000	-	225.000.000	-
- Bảo hiểm xã hội	3.547.500	-	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	141.900	-	-	-
- Phải thu khác	149.216.622	(149.216.622)	149.216.622	(149.216.622)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	324.173.145	(149.216.622)	433.887.855	(149.216.622)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hà Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	30/06/2022						01/01/2022					
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	4.465.825.912	-	4.465.825.912	-	4.465.825.912	-	4.465.825.912	-	4.465.825.912
- Công ty CP Thức ăn Chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-	2.863.598.538
- Công ty Cổ phần EEL	210.000.000	-	210.000.000	210.000.000	-	210.000.000	-	210.000.000	-	210.000.000	-	210.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Trung Nguyên	4.650.000	-	4.650.000	4.650.000	-	4.650.000	-	4.650.000	-	4.650.000	-	4.650.000
- AI Hamd Argo Food Products PVT.Ltd	701.400.000	-	701.400.000	701.400.000	-	701.400.000	-	701.400.000	-	701.400.000	-	701.400.000
- ALRVAK Ltd	698.436.360	-	698.436.360	698.436.360	-	698.436.360	-	698.436.360	-	698.436.360	-	698.436.360
- M/S Blue Park SeaFood SPVT Ltd	115.260.000	-	115.260.000	115.260.000	-	115.260.000	-	115.260.000	-	115.260.000	-	115.260.000
- Hong Kong Jun YU International Import and Export Trading Co, Ltd	76.440.621	22.932.186	53.508.435	171.864.621	51.559.386	120.305.235	-	-	-	-	-	-
- Iber Digest S.L	208.071.000	-	208.071.000	208.071.000	-	208.071.000	-	208.071.000	-	208.071.000	-	208.071.000
- Siddiq Sea Food	114.120.000	-	114.120.000	114.120.000	-	114.120.000	-	114.120.000	-	114.120.000	-	114.120.000
- South Fish SeaFood S.A.C	113.845.000	-	113.845.000	113.845.000	-	113.845.000	-	113.845.000	-	113.845.000	-	113.845.000
- Công ty TNHH TM Hóa chất An Phát	43.647.749	-	43.647.749	43.647.749	-	43.647.749	-	43.647.749	-	43.647.749	-	43.647.749
- YonShing Trade Co.,Ltd	191.679.004	-	191.679.004	191.679.004	-	191.679.004	-	191.679.004	-	191.679.004	-	191.679.004
- Cano Pus Inter -ITrade Pte Ltd	149.216.622	-	149.216.622	149.216.622	-	149.216.622	-	149.216.622	-	149.216.622	-	149.216.622
- Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	-	-	-	869.128.162	434.564.081	434.564.081	-	-	-	-	-	-
Cộng	9.956.190.806	22.932.186	9.933.258.620	10.920.742.968	486.123.467	10.434.619.501						

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

II. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công cụ, dụng cụ	652.087.280	-	652.087.280	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	868.862.182	-	-	-
Cộng	1.520.949.462	-	652.087.280	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	9.981.745	110.890.473
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	21.116.950
- Các khoản khác	9.981.745	89.773.523
Dài hạn	69.519.744	-
- Công cụ dụng cụ phân bổ	12.794.948	-
- Các khoản khác	56.724.796	-
Cộng	79.501.489	110.890.473

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	-	868.862.182
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Kho Ngoại quan Đình Vũ	-	319.545.455
Cộng	-	1.188.407.637

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Trong kỳ, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng toàn bộ tài sản cố định vô hình là 2 thửa đất tại xóm Suối Nậy, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với tổng số tiền thu được là 6.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

15. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Công
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2022	13.610.327.718	397.272.773	8.715.476.816	831.120.824	23.554.198.131
30/06/2022	13.610.327.718	397.272.773	8.715.476.816	831.120.824	23.554.198.131
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2022	(3.187.351.332)	(397.272.773)	(4.157.646.135)	(765.671.944)	(8.507.942.184)
- Khấu hao trong kỳ	(268.154.022)	-	(434.501.112)	(27.768.951)	(730.424.085)
30/06/2022	(3.455.505.354)	(397.272.773)	(4.592.147.247)	(793.440.895)	(9.238.366.269)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2022	10.422.976.386	-	4.557.830.681	65.448.880	15.046.255.947
30/06/2022	10.154.822.364	-	4.123.329.569	37.679.929	14.315.831.862

- Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2022 là 10.033.119.013 VND;
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 1.050.556.997 VND, tại ngày 01/01/2022 là 786.042.332 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hà Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	7.049.684.805	7.049.684.805	109.629.662.701	109.629.662.701
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xuất Nhập khẩu Trần Trang	482.200.000	482.200.000	76.092.200.000	76.092.200.000
- Công ty CP XNK Đức Nguyễn	-	-	19.648.827.780	19.648.827.780
- Công ty CP Liên doanh Nông Lâm Sản Việt Lào	-	-	7.141.300.000	7.141.300.000
- Công ty CP Công nghiệp lạnh Hưng Trí	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000
- Chi nhánh Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất tại Hải Phòng	888.362.000	888.362.000	888.362.000	888.362.000
- Công ty CP Khu Công nghiệp Đình Vũ	658.345.906	658.345.906	751.782.442	751.782.442
- Fagro international Trading FZE	2.860.080.081	2.860.080.081	2.818.505.595	2.818.505.595
- Khác hàng khác	898.196.818	898.196.818	1.026.184.884	1.026.184.884
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	7.049.684.805	7.049.684.805	109.629.662.701	109.629.662.701

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hà Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	23.580.355	23.580.355	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	545.621.634	710.867.299	695.621.634	560.867.299
- Thuế thu nhập cá nhân	340.355	2.195.033.205	661.943	2.194.711.617
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.513.660	3.513.660	-
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	545.961.989	2.936.994.519	727.377.592	2.755.578.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	67.976.999.977	67.976.999.977	471.749.998	166.620.499.986	234.125.749.965	234.125.749.965
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức (1)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	3.170.000.000	53.170.000.000	53.170.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng	-	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
- Vay cá nhân (2)	16.077.000.000	16.077.000.000	-	42.500.000.000	58.577.000.000	58.577.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	1.899.999.977	1.899.999.977	471.749.998	950.499.986	2.378.749.965	2.378.749.965
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng (3)	1.899.999.977	1.899.999.977	471.749.998	950.499.986	2.378.749.965	2.378.749.965
b. Vay dài hạn	1.766.666.661	1.766.666.661	-	161.831.749.998	163.598.416.659	163.598.416.659
<i>Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)</i>	<i>1.766.666.661</i>	<i>1.766.666.661</i>	<i>-</i>	<i>161.831.749.998</i>	<i>163.598.416.659</i>	<i>163.598.416.659</i>
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng(3)	1.766.666.661	1.766.666.661	-	471.749.998	2.238.416.659	2.238.416.659
- Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	-	-	-	161.360.000.000	161.360.000.000	161.360.000.000
Cộng	69.743.666.638	69.743.666.638	471.749.998	328.452.249.984	397.724.166.624	397.724.166.624

c. Vay và nợ với bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 35.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp)

Thuyết minh chi tiết về các khoản vay tại thời điểm 30/06/2022:

(1) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thủ đô theo Hợp đồng tín dụng số 1483 - LAV - 201700011 ngày 06/01/2017; hạn mức: 400.000.000.000 VND; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2017; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản;

(2) Vay cá nhân:

Vay cá nhân với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp;

(3) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HDTD/THU/01 ngày 13/02/2019; Hạn mức: 2.009.000.000 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes - Benz S450 và phí bảo hiểm an toàn tín dụng; Thời hạn vay: 60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phí BHATTD; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;

- Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HDTD/THU/02 ngày 09/05/2019; Hạn mức: 7.499.999.886 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe nâng Container Kalmar 15LA - 1570; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp)

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2022		01/01/2022	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam				
- Chi nhánh Thủ Đức	50.000.000.000	30.825.627.775	53.170.000.000	26.330.717.825
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (*)	-	-	120.000.000.000	39.849.863.010
	50.000.000.000	30.825.627.775	173.170.000.000	66.180.580.835

(*) Công văn số 240/NHNQ.BHP-KHDN ngày 01/03/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng thông báo về việc miễn, giảm tiền vay đối với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Đến ngày 05/04/2022 Công ty đã gửi giấy đề nghị miễn, giảm lãi kiêm phương án trả nợ gửi cho Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng. Theo đó, đến thời điểm ngày 05/04/2022 thì số nợ gốc và lãi của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng với số tiền là 164.376.036.926 đồng bao gồm 120.000.000.000 đồng tiền gốc và 44.376.036.926 đồng tiền lãi. Công ty đề nghị Ngân hàng cho thanh toán 127.999.000.000 đồng bao gồm 120.000.000.000 đồng tiền gốc và 7.999.000.000 đồng tiền lãi và đã được Ngân hàng đồng ý. Công ty đã thanh toán đầy đủ 127.999.000.000 đồng như đã thỏa thuận với Ngân hàng. Theo công văn 406/NHNQ.BHP-KHDN ngày 08/04/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng theo đó kể từ ngày 06/04/2022, Công ty đã thanh toán hết mọi nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tại Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	31.599.551.748	116.180.008.765
- Kinh phí công đoàn	32.435.264	29.991.184
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô	30.825.627.775	26.330.717.825
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng	-	39.849.863.010
- Phải trả lãi vay Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	-	49.227.948.037
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	741.488.709	741.488.709
Dài hạn	-	-
Cộng	31.599.551.748	116.180.008.765
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	30.825.627.775	115.408.528.872
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô	30.825.627.775	26.330.717.825
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng	-	39.849.863.010
- Phải trả lãi vay Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	-	49.227.948.037
Dài hạn	-	-
Cộng	30.825.627.775	115.408.528.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(85.791.019.417)	619.951.609.880
- Lãi trong năm trước	-	-	-	4.579.376.522	4.579.376.523
- Giám khác	-	-	-	(304.870.015)	(304.870.015)
31/12/2021	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(81.516.512.910)	624.226.116.387
01/01/2022	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(81.516.512.910)	624.226.116.387
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	1.304.848.021	1.304.848.021
30/06/2022	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(80.211.664.889)	625.530.964.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2022	01/01/2022
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa	40.020.000.000	1.021.482.693.225
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.015.199.710	2.196.967.530
Cộng	41.035.199.710	1.023.679.660.755

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 35.1

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Giá vốn của hàng hóa	39.357.857.434	993.176.599.824
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.002.684.971	2.131.753.225
Cộng	41.360.542.405	995.308.353.049

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	166.324.779	291.300.383
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	270.000	17.012.197
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	220.441.086
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	2.454.682.211
Cộng	166.594.779	2.983.435.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	18.092.437.915	16.394.193.717
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	617.063.403
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	548.933.911	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	10.341.117.607
- Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(61.720.195.877)	-
Cộng	(43.078.824.051)	27.352.374.727

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Chi phí khấu hao TSCĐ	80.564.748	67.137.290
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	27.250.000
Cộng	80.564.748	94.387.290

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	1.657.836.311	2.279.062.906
- Chi phí vật liệu quản lý	-	50.095.334
- Chi phí đồ dùng văn phòng	37.057.580	-
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	627.563.451	538.752.711
- Thuế, phí và lệ phí	6.513.660	4.292.000
- Hoàn nhập dự phòng	(501.360.881)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	613.091.986	550.232.947
- Chi phí bằng tiền khác	40.585.431	143.462.721
Cộng	2.481.287.538	3.565.898.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

27. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	15.717.270
- Chi phí lãi vay được miễn giảm (*)	36.377.036.926	-
- Tiền phạt thu được	-	3.500.000.000
- Các khoản khác	-	1.362.150.317
Cộng	36.377.036.926	4.877.867.587

(*) Công ty được miễn, giảm tiền lãi vay với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng với số tiền 36.377.036.926 đồng, chi tiết xem tại thuyết minh số 18.d phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

28. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	74.400.000.000	-
- Xử lý dư án đầu tư	319.545.455	-
- Phạt vi phạm hợp đồng	-	2.500.000.000
- Các khoản chi phí khác	-	60.000.000
Cộng	74.719.545.455	2.560.000.000

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.015.715.320	2.659.950.534
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.538.621.175	11.169.253.478
- Khấu hao TSCĐ Nguyên giá vượt quá 1,6 tỷ	127.194.000	127.194.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	548.933.911	-
- Chi phí không hợp lý khác	862.493.264	11.042.059.478
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(13.829.204.012)
- Lãi đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	(139.329.693)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(13.689.874.319)
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	3.554.336.495	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	710.867.299	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	710.867.299	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.304.848.021	2.659.950.534
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	19	38

31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Điều hành Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	37.057.580	50.095.334
- Chi phí nhân công	1.657.836.311	2.279.062.906
- Khấu hao tài sản cố định	730.424.085	624.469.906
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.228.091.986	1.657.982.947
- Chi phí bằng tiền khác	911.127.295	1.180.428.041
Cộng	4.564.537.257	5.792.039.134

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong kỳ, Công ty chủ yếu phát sinh doanh thu thương mại kinh doanh mặt hàng phân bón hóa chất chiếm trên 97,5% tổng doanh thu và toàn bộ hoạt động tại thị trường Việt Nam. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

34. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong kỳ, Công ty có các phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Giảm khoản lãi vay phải trả từ việc miễn, giảm lãi vay của ngân hàng	36.377.036.926	-
Phân loại 241 sang 154	868.862.182	-
Cộng	37.245.899.108	-

35. THÔNG TIN KHÁC

35.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các Bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ (*)	Công ty con đến ngày 28/6/2022
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long đến 14/10/2021

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Dịch vụ thuê kho	615.000.000	1.050.000.000
	Cho vay	2.100.000.000	-
	Thu tiền cho vay	1.965.000.000	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	Bán hàng hóa	-	140.300.924.500
	Mua hàng hóa	-	117.892.870.568
	Phạt hợp đồng	-	3.500.000.000
- Ông Hoàng Văn Hưng	Trả gốc tiền vay	7.490.000.000	-
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Trả gốc tiền vay	4.810.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2022	01/01/2022
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ (*)	Phải thu khách hàng	-	6.652.011.255
	Phải thu về cho vay	2.100.000.000	1.965.000.000
- Ông Hoàng Văn Hưng	Vay ngắn hạn	-	7.490.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Vay ngắn hạn	14.077.000.000	18.887.000.000

(*) Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ vào ngày 28/06/2022. Giá trị giao dịch giữa 2 công ty được xác định cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 28/06/2022 và số dư tại thời điểm 30/06/2022 giữa các bên liên quan bằng 0.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	121.521.790	134.539.190
- Bà Hà Thị Mai Hương	TV Hội đồng Quản trị	90.026.637	-
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	64.036.897	77.683.313
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	64.036.897	77.189.851
- Ông Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	62.240.242	69.731.260
Cộng		401.862.463	359.143.614

35.2 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Trong kỳ 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 doanh thu của công ty giảm 95,99% so với cùng kỳ năm 2021, đó là sự sụt giảm tương đối lớn chủ yếu đối với lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng phân bón, hóa chất; lỗ lũy kế của công ty là (80.211.664.889) đồng và dòng tiền lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh của công ty đang âm là (121.694.974.011) đồng, trong năm 2021 cũng âm (100.202.305.544) đồng cùng với đó là khoản nợ quá hạn thanh toán cả gốc và lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đô với số tiền là 80.825.627.775 đồng. Điều đó dẫn đến yếu tố nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục của công ty trong tương lai. Hiện tại, công ty đang tiến hành tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh, cũng như đôn đốc thu hồi các khoản công nợ phải thu khách hàng để thu hồi vốn chi trả các khoản gốc và lãi quá hạn thanh toán với ngân hàng và nhà cung cấp. Đến thời điểm 30/06/2022, Công ty đã thanh toán được phần lớn các khoản nợ phải trả với các ngân hàng và nhà cung cấp. Công ty đang nghiên cứu đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh trong 6 tháng cuối năm.

Do đó, Ban Điều hành công ty vẫn lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

35.3 SỞ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình đã được soát xét.

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu



Trần Xuân Đạt

Kế toán trưởng



Trần Thị Yên Chi



Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2022

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Liên quan đến ý kiến ngoại trừ và khoản chênh lệch giữa Báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2022 do Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình lập và Báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2022 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY, Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình xin được giải trình các thông tin như sau:

Khoản mục	Mã số khoản mục	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.706.112.696	1.304.848.021	(401.264.675)

Nguyên nhân chênh lệch của chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN trên Báo cáo tài chính riêng cho 6 tháng đầu năm sau khi kiểm toán được xác định do các nguyên nhân sau:

- Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, công ty CP XNK Quảng Bình chưa thực hiện điều chỉnh giảm đối với phần chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phần dự toán “Chi phí thẩm duyệt PCCC” của Dự án ICD Quảng Bình –Đình Vũ đây là phần thực hiện đầu tư tại Công ty con là Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ. Do sau khi Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ được chuyển nhượng 100% cho đối tác thì phía đối tác không tiếp nhận nên các chi phí đầu tư không được thực hiện và không có khả năng thu hồi nên được điều chỉnh sang chi phí khác làm cho lợi nhuận trước thuế giảm 320 triệu đồng. Ngoài ra đơn vị kiểm toán cũng điều chỉnh tăng



chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp khiến phần thuế thu nhập doanh nghiệp tăng lên 81 triệu đồng.

Từ các nguyên nhân chính nêu trên khiến cho Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế TNDN” trên Báo cáo tài chính được lập bởi Công ty đang phản ánh không chính xác so với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán với số tiền là (401.264.675) đồng.

- Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty chúng tôi còn tồn tại một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán với Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ và Công ty Cổ phần Ecoparadise Việt Nam với số tiền lần lượt là 6.736.319.643 đồng và 70.346.200.000 đồng. Các khoản công nợ trên bị quá hạn thanh toán theo các hợp đồng đã ký với khách hàng. Đối với khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ, do đang chuyển giao nên hai bên thống nhất sẽ giải quyết dứt điểm các khoản công nợ sau khi quyết toán xong các nghĩa vụ tài chính. Còn đối với khoản nợ phải thu với Công ty Cổ phần Ecoparadise Việt Nam thì đây là 1 khách hàng quen thuộc nhưng do đang có khó khăn về tài chính nên khách hàng chưa kịp thanh toán. Chúng tôi đã làm việc trực tiếp với hai đối tác này và nhận được cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên vào quý 3, quý 4 năm nay. Chúng tôi sẽ tiếp tục làm việc với các đối tác này để thu hồi các khoản công nợ trên để đảm bảo không bị tổn thất vốn của công ty. Chúng tôi xin gửi đến quý cơ quan công văn làm việc giữa Công ty và hai đối tác trên.

Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về số liệu lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Vũ Thị Dương

